

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213, Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 103/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2020 về việc công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông Lưu Cẩm P, Hộ khẩu thường trú: khu phố B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2. Bà Trần Thị N, địa chỉ thường trú: đường N, khóm D, phường T, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Lưu Cẩm P và bà Trần Thị N có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo Giấy chứng nhận kết hôn số 14/1999, quyển số 01, ngày 24/5/1999. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau. Xét thấy, thực trạng mâu thuẫn giữa bà N và ông P đã đến mức trầm trọng, vợ chồng ông bà không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Trần Thị N và ông Lưu Cẩm P.

[2]. Về con chung: Ông Lưu Cẩm P và bà Trần Thị N trình bày vợ chồng có 02 con chung tên Lưu Tấn Đ; (Giới tính: nam) sinh ngày 29/11/1999 và Lưu Tấn L, (Giới tính: nam) sinh ngày 31/01/2009. Sau khi ly hôn, ông P và bà N thống nhất thỏa thuận bà Trần Thị N sẽ trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lưu Tấn L cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi. Hiện nay cháu Lưu Tấn L do bà N đang trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Lưu Cẩm P không phải cấp dưỡng nuôi cháu

Lưu Tấn L.

Ông Lưu Cẩm P có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc cháu Lưu Tấn L mà không ai được cản trở.

Đối với cháu Lưu Tấn Đ; (Giới tính: nam) sinh ngày 29/11/1999 đã đủ 18 tuổi và có cuộc sống tự lập nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. Về tài sản chung: Bà Trần Thị N và ông Lưu Cẩm P trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về nợ chung: Bà Trần Thị N và ông Lưu Cẩm P trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Ông Lưu Cẩm P và bà Trần Thị N mỗi người đồng ý chịu số tiền 150.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí mà ông Lưu Cẩm P và bà Trần Thị N đã nộp theo biên lai thu số 0004747 và 0004748 cùng ngày 09/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Lưu Cẩm P và bà Trần Thị N đồng ý thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung: Ông Lưu Cẩm P và bà Trần Thị N trình bày vợ chồng có 02 con chung tên Lưu Tấn Đ; (Giới tính: nam) sinh ngày 29/11/1999 và Lưu Tấn L, (Giới tính: nam) sinh ngày 31/01/2009. Sau khi ly hôn, ông P và bà N thống nhất thỏa thuận bà Trần Thị N sẽ trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lưu Tấn L cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi. Hiện nay cháu Lưu Tấn L do bà N đang trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Lưu Cẩm P không phải cấp dưỡng nuôi cháu Lưu Tấn L.

Đối với cháu Lưu Tấn Đ; (Giới tính: nam) sinh ngày 29/11/1999 đã đủ 18 tuổi và có cuộc sống tự lập nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Lưu Cẩm P có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc cháu Lưu Tấn L mà không ai được cản trở.

1.3. Về tài sản chung: Ông Lưu Cẩm P và bà Trần Thị N trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Ông Lưu Cẩm P và bà Trần Thị N trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.5. Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Ông Lưu Cẩm P và bà Trần Thị N mỗi người

đồng ý chịu số tiền 150.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí mà Ông Lưu Cẩm P và bà Trần Thị N đã nộp theo biên lai thu số 0004747 và 0004748 cùng ngày 09/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật Ný sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn.
- VKSND TPST;
- Chi cục THADS TPST;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thúy Uyên